

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28/02/2024.

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Khánh.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đức Tuế;

2. Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Huế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXX - HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm: 1998.

Địa chỉ: Xóm KC, xã QK huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Xóm TH, xã TH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không có.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày như sau:

Chị và anh Nguyễn Văn Q có tìm hiểu nhau một thời gian, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quy Kỳ, huyện Định Hóa ngày 01/10/2021. Sau khi kết hôn chị và anh Q chung sống tại nhà anh Q tại xóm Thống Nhất, xã Trung Hội, huyện Định Hoá. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn bắt đầu xảy ra từ năm 2022. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên sống xa nhau vì anh Q thường đi làm xa nhà, ít có thời gian quan

tâm đến gia đình và vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn giữa anh, chị vẫn xảy ra. Anh chị sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 đến nay. Nay chị L xác định, mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, chị cương quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Chị L xác định chị và anh Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn Phong, sinh ngày 09/12/2021. Khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành. Chị L yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Phong trưởng thành.

Về tài sản chung và các khoản cho vay, khoản nợ chung: Chị L xác định chị và anh Q không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong quá trình giải quyết tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai anh Q trình bày:

Anh và chị L được tự nguyện tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn ngày 01/10/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Quy Kỳ, huyện Định Hóa. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại nhà anh tại xóm Thống Nhất, xã Trung Hội. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn bắt đầu xảy ra từ năm 2022, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh thường phải đi làm xa nhà, ở nhà chị L chăm sóc con nhưng thường xuyên có thái độ không tôn trọng bố mẹ anh dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn có cãi cọ nhau. Anh chị sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 đến nay. Nay anh xác định tình cảm không còn, không còn quan tâm đến nhau nữa, chị L xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh Q xác định, anh và chị L có 01 con chung là Nguyễn Tuấn Phong, sinh ngày 09/12/2021. Khi ly hôn anh đồng ý để chị L tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung và các khoản cho vay, khoản nợ chung: Anh Q xác định, anh và chị L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh Q không đến Tòa án làm việc, chị L đã yêu cầu Tòa án không tiếp tục hòa giải. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Trước khi nghị án, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo pháp luật tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Văn Q từ khi Tòa án thông báo phiên họp hòa giải anh không đến Tòa án làm việc theo quy định pháp luật về tố tụng dân sự, việc cấp giao tổng đạt văn bản tố tụng, thu thập tài liệu chứng cứ, thủ tục tố tụng, thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Q;

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn Phong, sinh ngày 09/12/2021 cho chị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Phong trưởng thành. Anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/01 tháng đối với cháu Phong cho đến khi cháu trưởng thành.

Về tài sản chung và các khoản cho vay, khoản nợ chung: Chị L và anh Q đều xác định không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L, anh Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo đối với bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn và bị đơn trong vụ án đều có nơi cư trú tại huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Hoá theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự nên việc xét xử có sự tham gia của Kiểm sát viên theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét về quan hệ hôn nhân và về yêu cầu xin ly hôn của chị L thấy rằng:

Chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn Q quen biết và có thời gian tự nguyện tìm hiểu nhau, được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, được đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, giữa chị L và anh Q nảy sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 đến nay không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, mục đích của hôn nhân không

đạt được. Anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án hòa giải, không đến tham gia phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, cho chị L được ly hôn anh Q là có căn cứ.

Về con chung: Chị L và anh Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn Phong, sinh ngày 09/12/2021. Từ khi ly thân chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và hiện đang cư trú, ăn ở, học tập ổn định. Để đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình, khi ly hôn cần giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành là có căn cứ. Về cấp dưỡng nuôi con: anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Phong trưởng thành cần được chấp nhận.

Về tài sản chung và các khoản cho vay, khoản nợ chung: Chị L và anh Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Nguyễn Văn Q phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; các Điều: 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn Phong, sinh ngày 09/12/2021 cho chị Bùi Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu Phong trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Anh Nguyễn Văn Q có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hàng tháng anh Nguyễn Văn Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Phong với mức 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được.

Việc cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù có thể bị khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung và các khoản cho vay, khoản nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết;

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa theo biên lai thu số 0006122, ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự của người cấp dưỡng nuôi con.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Toà án nhân dân tỉnh TN;
- VKSND huyện Định Hoá;
- Chi cục THADS huyện Định Hóa;
- UBND xã Quy Kỳ, huyện Định Hóa;
(ĐKKH số 17 ngày 01/10/2021)
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hồng Khánh

